

## CHƯƠNG 16 NGOẠI LỆ

### Điều 16.1: Các ngoại lệ chung

1. Vì mục đích của các Chương 2 (Đối xử quốc gia và tiếp cận thị trường hàng hóa), Chương 3 (Quy tắc xuất xứ và quy trình cấp xuất xứ), Chương 4 (Thủ tục hải quan và thuận lợi hóa thương mại), Chương 5 (Các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật), Chương 6 (Hàng rào kỹ thuật trong thương mại), và Chương 7 (Phòng vệ thương mại), Điều XX của GATT 1994 và các chú thích diễn giải kèm theo Điều XX sẽ được viện dẫn và trở thành một phần của Hiệp định này, với những sửa đổi –phù hợp.
2. Vì mục đích của Chương 8 (Thương mại dịch vụ) và Chương 9 (Đầu tư), Điều XIV GATS (bao gồm cả các chú thích) được viện dẫn và trở thành một phần của Hiệp định này, với những sửa đổi cần thiết.

### Điều 16.2: Các ngoại lệ an ninh

1. Không một quy định nào trong Hiệp định này được hiểu là:
  - (a) yêu cầu một Bên phải cung cấp bất kỳ thông tin nào mà Bên đó cho rằng việc cung cấp thông tin đi ngược lại với lợi ích an ninh thiết yếu của Bên đó;
  - (b) ngăn cản một Bên tiến hành bất kì hành động nào dưới đây được cho là cần thiết để bảo vệ các lợi ích an ninh thiết yếu của Bên đó:
    - (i) liên quan tới mua bán vũ khí, đạn dược, vật dụng chiến tranh và các hàng hoá và nguyên nhiên vật liệu khác hay liên quan đến cung cấp dịch vụ, được thực hiện trực tiếp hay gián tiếp vì mục đích cung ứng cho quân đội;
    - (ii) liên quan đến việc tách hoặc làm giàu vật liệu hạt nhân hoặc những vật liệu có chứa hạt nhân;
    - (iii) được áp dụng để bảo vệ cơ sở hạ tầng công cộng trọng yếu, bao gồm thông tin liên lạc, điện và nước, khỏi các hành vi xâm phạm có chủ ý nhằm vô hiệu hoá hoặc làm suy yếu những cơ sở hạ tầng đó; hoặc
    - (iv) được áp dụng trong các tình huống khẩn cấp trong nước, hoặc thời kỳ chiến tranh hoặc các tình huống khẩn cấp khác trong quan hệ quốc tế; hoặc
  - (c) ngăn cản một Bên có những biện pháp thực hiện nghĩa vụ theo Hiến chương Liên hợp quốc nhằm duy trì hoà bình và an ninh quốc tế.
2. Ủy ban Hỗn hợp sẽ được thông báo một cách đầy đủ nhất về các biện pháp được thực hiện như tại tiểu đoạn 1(b) và (c) và việc ngừng áp dụng các biện pháp đó.

### **Điều 16.3: Thuế nội địa**

1. Trừ các quy định trong Điều này, không quy định nào trong Hiệp định này được áp dụng đối với các biện pháp thuế nội địa.
2. Không quy định nào của Hiệp định này sẽ ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của mỗi Bên trong các điều ước quốc tế về thuế nội địa. Trong trường hợp có sự không thống nhất giữa Hiệp định này và bất kỳ điều ước quốc tế về thuế nội địa nào khác, điều ước quốc tế khác đó sẽ được ưu tiên áp dụng đối với nội dung không thống nhất đó. Trong trường hợp có một điều ước về thuế nội địa giữa Việt Nam và Hàn Quốc, chỉ cơ quan có thẩm quyền theo điều ước quốc tế mới có trách nhiệm cùng xác định những nội dung không nhất quán giữa Hiệp định này và điều ước quốc tế về thuế nội địa đó.
3. Đoạn 2 của Điều 16.1 sẽ áp dụng đối với các biện pháp thuế nội địa<sup>1</sup>.
4. Mặc dù đã có quy định tại đoạn 2 nêu trên, Điều 2.2 (Đối Xử Quốc Gia Đối Với Quy Định và Thuế Nội Địa) và các điều khoản cần thiết khác của Hiệp định này để Điều 2.2 có thể được thực hiện sẽ được áp dụng đối với các biện pháp thuế nội địa, với cùng phạm vi như Điều III của GATT 1994.
5. Tiểu đoạn 4(h) của Điều 9.8 (Chuyển tiền) sẽ được áp dụng đối với các biện pháp thuế nội địa.
6. Việc xác định một biện pháp thuế nội địa trong một tình huống thực tế cụ thể, có là một hành vi tước quyền sở hữu hay không đòi hỏi sự điều tra cụ thể cho từng trường hợp và phải dựa trên thực tế để đánh giá tất cả các yếu tố có liên quan đến khoản đầu tư, bao gồm các yếu tố được liệt kê tại Phụ lục 9-B (Tước quyền sở hữu) và những yếu tố sau:
  - (a) việc áp đặt các loại thuế thường không được coi là là một hành vi tước quyền sở hữu. Bản thân việc ban hành biện pháp thuế nội địa mới hoặc việc áp đặt biện pháp thuế nội địa trong nhiều hơn một lĩnh vực liên quan đến đầu tư thường không bị coi là hành vi tước quyền sở hữu;
  - (b) một biện pháp thuế nội địa phù hợp với các chính sách, nguyên tắc và thực tiễn áp dụng về thuế được quốc tế công nhận sẽ không phải là hành vi tước quyền sở hữu. Cụ thể là, một biện pháp thuế nội địa nhằm ngăn chặn việc trốn thuế nội địa thường không phải là hành vi tước quyền sở hữu;
  - (c) một biện pháp thuế nội địa được áp dụng trên cơ sở không phân biệt đối xử, đối lập với một biện pháp thuế nội địa nhằm vào những nhà đầu tư mang một quốc tịch cụ thể hoặc áp dụng đối với những người trả thuế cụ thể, ít có khả năng được coi là hành vi tước quyền sở hữu hơn; và

<sup>1</sup>Đối với đoạn này, việc áp dụng đoạn 2 Điều 16.1 đối với các biện pháp thuế nội địa liên quan tới Điều XIV (d) và (e) của GATS.

- (d) một biện pháp thuế nội địa không phải là hành vi tước quyền sở hữu nếu nó đã có hiệu lực thi hành khi khoản đầu tư đã được thực hiện và thông tin về biện pháp này đã được công bố công khai.

7. (a) Không có nhà đầu tư nào có thể viện dẫn Điều 9.7 (Tước quyền sở hữu và Bồi Thường) làm cơ sở để khởi kiện khi một biện pháp đã được xác định không phải là hành vi tước quyền sở hữu theo tiểu đoạn này. Một nhà đầu tư viện dẫn Điều 9.7 (Tước quyền sở hữu và Bồi Thường) đối với một biện pháp thuế nội địa trước hết phải gửi yêu cầu bằng văn bản đến các cơ quan có thẩm quyền, tại thời điểm đưa ra Thông báo về Ý định khởi kiện theo Điều 9.17 (Thông Báo Về Ý định khởi kiện ra Trọng Tài), để quyết định xem việc ban hành biện pháp thuế nội địa có phải là hành vi tước quyền sở hữu hay không. Yêu cầu này nên bao gồm Thông báo về Ý định khởi kiện. Nếu cơ quan có thẩm quyền không đồng ý xem xét hoặc đã xem xét nhưng không đồng ý rằng biện pháp này không phải là hành vi tước quyền sở hữu trong vòng sáu tháng kể từ ngày được yêu cầu, nhà đầu tư có thể khởi kiện ra trọng tài theo đoạn 1 Điều 9.19 (Khởi kiện ra Trọng tài).

(b) Đối với đoạn này, **cơ quan có thẩm quyền** nghĩa là:

- (i) đối với phía Việt Nam, Tổng cục trưởng Tổng cục thuế, Bộ Tài chính; và
- (ii) đối với phía Hàn Quốc, Thứ trưởng về Thuế và Hải quan, Bộ Chiến lược và Tài chính;

hoặc người kế nhiệm tương ứng.

8. Đối với Điều này:

- (a) **điều ước quốc tế về thuế nội địa** nghĩa là một điều ước quốc tế về tránh đánh thuế hai lần hoặc các hiệp định hay thỏa thuận quốc tế khác về thuế nội địa; và
- (b) thuế nội địa và các biện pháp thuế nội địa không bao gồm thuế quan như quy định tại Điều 1.5 (Các định nghĩa chung) và các biện pháp được liệt kê trong các ngoại lệ (b), (c), (d) và (e) của định nghĩa đó.

#### **Điều 16.4 : Công bố thông tin**

Không quy định nào của Hiệp định này được hiểu là yêu cầu một Bên cung cấp hoặc cho phép tiếp cận các thông tin bảo mật mà việc tiết lộ các thông tin đó sẽ ảnh hưởng đến việc thực thi pháp luật hoặc đi ngược lại lợi ích công cộng, hoặc ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích thương mại hợp pháp của các doanh nghiệp công hoặc tư.